ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH
Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1851 /QĐ-UBND ngày 21/8/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn

TT	Họ và tên	Giới tính		Số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu	Ngày, tháng năm sinh	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Đăng ký	Kết quả	Số giấy chứng nhận
		Nam	Nữ							
1. Công ty cổ phần khai thác đá Đồng Tiến *(hồ sơ thủ tục hành chính số 000.00.12.H37-250805-0002)*										
1	Nguyễn Đức Khánh	x		024072014455	25/06/1972	Chỉ huy nổ mìn	Đại học ngành xây dựng công trình ngầm và mỏ	Chỉ huy nổ mìn	Khá	01/GCN-UBND
2	Hoàng Văn Hiệp	x		024090009387	22/02/1990	Chỉ huy nổ mìn	Đại học ngành kỹ thuật mỏ	Chỉ huy nổ mìn	Khá	02/GCN-UBND
3	Hà Văn Dựng	x		015076000969	07/7/1976	Thợ nổ mìn	Sơ cấp nghề khoan nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	03/GCN-UBND
4	Đinh Văn Thiết	x		019077015092	17/11/1977	Thợ nổ mìn	Sơ cấp nghề khoan nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	04/GCN-UBND
5	Triệu Văn Lợi	x		019079011189	20/11/1979	Thợ nổ mìn	Sơ cấp nghề khoan nổ mìn	Thợ nổ mìn	Trung bình	05/GCN-UBND
6	Trần Văn Hùng	x		019093004368	08/6/1993	Thợ nổ mìn	Sơ cấp nghề khoan nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	06/GCN-UBND
2. Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh khoáng sản T&C *(hồ sơ thủ tục hành chính số 000.00.12.H37- 250805-0008)*										
7	Trần Đức Duy	x		020089006364	20/4/1989	Chỉ huy nổ mìn	Đại học ngành kỹ thuật mỏ	Chỉ huy nổ mìn	Khá	07/GCN-UBND
8	Vũ Văn Pháo	x		037087011836	12/8/1987	Người phục vụ	-	Người phục vụ	Khá	08/GCN-UBND

TT	Họ và tên	Giới tính		Số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu	Ngày, tháng năm sinh	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Đăng ký	Kết quả	Số giấy chứng nhận
		Nam	Nữ							
9	Vũ Văn Đức	x		037074009075	01/01/1974	Người phục vụ	-	Người phục vụ	Khá	09/GCN-UBND
10	Phạm Văn Sự	x		037081016220	01/01/1981	Người phục vụ	-	Người phục vụ	Khá	10/GCN-UBND
3. Công ty cổ phần đầu tư Sơn Phú *(hồ sơ thủ tục hành chính số 000.00.12.H37- 250805-0003)*										
11	Nguyễn Thị Ngọc Anh		x	024193012572	01/12/1993	Người phục vụ	-	Người phục vụ	Khá	11/GCN-UBND
12	Vương Văn Mạnh	x		020085007922	07/1/1985	Thợ nổ mìn	Sơ cấp nghề nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	12/GCN-UBND
13	Hoàng Văn Tiến	x		024074017226	28/7/1974	Công nhân	Sơ cấp nghề nổ mìn	Thợ nổ mìn	Trung bình	13/GCN-UBND
14	Sầm Văn Phú	x		020086001118	03/8/1986	Công nhân	Sơ cấp nghề khoan nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	14/GCN-UBND
15	Bàn Văn Kiên	x		020084011776	10/11/1984	Công nhân	Sơ cấp nghề khoan nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	15/GCN-UBND
4. Công ty TNHH khai thác mỏ Huyền Sơn *(hồ sơ thủ tục hành chính số 000.00.12.H37- 250805-0001)*										
16	Vũ Việt Hưng	x		030095006624	13/11/1995	Chỉ huy nổ mìn	Đại học ngành kỹ thuật mỏ	Chỉ huy nổ mìn	Khá	16/GCN-UBND
17	Hoàng Văn Đặt	x		020079008403	20/10/1979	Thợ nổ mìn	Sơ cấp nghề nổ mìn	Thợ nổ mìn	Trung bình	17/GCN-UBND
18	Hoàng Văn Hiến	x		020069006779	30/11/1969	Thợ nổ mìn	Sơ cấp nghề nổ mìn	Thợ nổ mìn	Trung bình	18/GCN-UBND
19	Lương Văn Thái	x		020093011667	05/06/1993	Thợ nổ mìn	Sơ cấp nghề nổ mìn	Thợ nổ mìn	Trung bình	19/GCN-UBND
20	Hoàng Văn Khìn	x		020076007232	05/05/1976	Người phục vụ	-	Người phục vụ	Trung bình	20/GCN-UBND

TT	Họ và tên	Giới tính		Số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu	Ngày, tháng năm sinh	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Đăng ký	Kết quả	Số giấy chứng nhận
		Nam	Nữ							
21	Lương Văn Huấn	x		020089007484	05/02/1989	Người phục vụ	-	Người phục vụ	Khá	21/GCN-UBND
22	Hoàng Văn Huy	x		020079001457	04/11/1979	Người phục vụ	-	Người phục vụ	Khá	22/GCN-UBND
5. Công ty TNHH Hải Cung *(hồ sơ thủ tục hành chính số 000.00.12.H37- 250805-0006)*										
23	Hoàng Anh Hiến	x		024076015800	03/6/1976	Chỉ huy nổ mìn	Đại học ngành khai thác mỏ	Chỉ huy nổ mìn	Khá	23/GCN-UBND
24	Hoàng Thị Thu Linh		x	020190005208	06/8/1990	Người phục vụ	-	Người phục vụ	Giỏi	24/GCN-UBND
25	Phương Đồng Nghĩa	x		020077012369	15/9/1977	Người phục vụ	-	Người phục vụ	Khá	25/GCN-UBND
26	Sầm Văn Toàn	x		020085009587	25/01/1985	Người phục vụ	-	Người phục vụ	Khá	26/GCN-UBND
27	Sầm Văn Mạnh	x		020088005313	18/9/1988	Thợ nổ mìn	Sơ cấp nghề nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	27/GCN-UBND
6. Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và kinh doanh tổng hợp – VVMI *(hồ sơ thủ tục hành chính số 000.00.12.H37- 250804-0001)*										
28	La Mạnh Sơn	x		020071008021	27/02/1971	Chỉ huy nổ mìn	Trung cấp khai thác mỏ	Chỉ huy nổ mìn	Khá	28/GCN-UBND
29	Tăng Văn Nội	x		020091000876	08/8/1991	Chỉ huy nổ mìn	Cao đẳng công nghệ kỹ thuật mỏ	Chỉ huy nổ mìn	Khá	29/GCN-UBND
30	Nguyễn Văn Tuấn	x		019082004856	22/10/1982	Thợ khoan nổ mìn	Chứng chỉ sơ cấp khoan nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	30/GCN-UBND
31	Nông Thành Vinh	x		020087000479	23/02/1987	Thợ khoan nổ mìn	Chứng chỉ sơ cấp khoan nổ mìn	Thợ nổ mìn	Trung bình	31/GCN-UBND

TT	Họ và tên	Giới tính		Số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu	Ngày, tháng năm sinh	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Đăng ký	Kết quả	Số giấy chứng nhận
		Nam	Nữ							
32	Nông Văn Hậu	x		020085007936	12/10/1985	Thợ khoan nổ mìn	Chứng chỉ sơ cấp khoan nổ mìn	Thợ nổ mìn	Trung bình	32/GCN-UBND
33	Triệu Văn Thương	x		020088000460	31/01/1988	Thợ khoan nổ mìn	Chứng chỉ sơ cấp khoan nổ mìn	Thợ nổ mìn	Trung bình	33/GCN-UBND
34	Vi Văn Chiến	x		020091007979	26/10/1991	Thợ khoan nổ mìn	Chứng chỉ sơ cấp khoan nổ mìn	Thợ nổ mìn	Trung bình	34/GCN-UBND
35	Hoàng Trung Thành	x		020089001008	29/08/1989	Thợ khoan nổ mìn	Chứng chỉ sơ cấp khoan nổ mìn	Thợ nổ mìn	Trung bình	35/GCN-UBND
36	Hoàng Đức Lưu	x		020099000146	16/10/1999	Thợ khoan nổ mìn	Chứng chỉ sơ cấp khoan nổ mìn	Thợ nổ mìn	Trung bình	36/GCN-UBND
37	Tạ Văn Cừ	x		024076015046	20/11/1976	Bảo vệ	-	Người phục vụ	Khá	37/GCN-UBND
38	Lê Quang Tiến	x		030065004821	14/11/1965	Bảo vệ	-	Người phục vụ	Khá	38/GCN-UBND
39	Mã Văn Đài	x		020071007989	26/10/1971	Bảo vệ	-	Người phục vụ	Trung bình	39/GCN-UBND
40	Nguyễn Tuấn Điệp	x		020073012973	17/11/1973	Bảo vệ	-	Người phục vụ	Khá	40/GCN-UBND
41	Vi Thị Gái		x	20190007397	25/08/1990	Thủ kho	-	Thủ kho	Giỏi	41/GCN-UBND
42	Dương Thị Thùy Trang		x	20193005080	20/10/1993	Thủ kho	-	Thủ kho	Giỏi	42/GCN-UBND
43	Thân Văn Sâm	x		24082002110	25/09/1982	Kỹ thuật	-	Người phục vụ	Khá	43/GCN-UBND

TT	Họ và tên	Giới tính		Số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu	Ngày, tháng năm sinh	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Đăng ký	Kết quả	Số giấy chứng nhận
		Nam	Nữ							
44	Ngô Văn Tiến Dũng	x		25085011308	08/4/1985	Kỹ thuật	-	Người phục vụ	Khá	44/GCN-UBND
7. Công ty cổ phần khai thác đá Đông Phong *(hồ sơ thủ tục hành chính số 000.00.12.H37- 250804-0002)*										
45	Nông Tuấn Hải	x		020091011455	28/02/1991	Thủ kho	-	Thủ kho	Khá	45/GCN-UBND
46	Cà Văn Phúc	x		011090005736	21/09/1990	Thợ Khoan nổ mìn	Chứng chỉ sơ cấp nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	46/GCN-UBND
47	Lò Văn Định	x		011084005138	1/7/1984	Thợ Khoan nổ mìn	Chứng chỉ sơ cấp nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	47/GCN-UBND
48	Cà Văn Lẻ	x		011094004090	4/12/1994	Công nhân	-	Người phục vụ	Khá	48/GCN-UBND
8. Công ty TNHH Hồng Phong *(hồ sơ thủ tục hành chính số 000.00.12.H37- 250804-0005)*										
49	Nguyễn Quang Ninh	x		027074007524	21/05/1974	Bảo vệ	-	Người phục vụ	Khá	49/GCN-UBND
50	Hoàng Văn Tính	x		020090005416	25/08/1990	Thợ nổ mìn	Chứng chỉ sơ cấp khoan nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	50/GCN-UBND
51	Nguyễn Văn Huy	x		015089007713	20/03/1989	Thợ khoan	-	Người phục vụ	Khá	51/GCN-UBND
52	Triệu Đức Thắng	x		022093007335	02/8/1993	Thợ khoan	-	Người phục vụ	Trung bình	52/GCN-UBND
53	Hoàng Văn Toàn	x		020073008199	27/06/1973	Bảo vệ	-	Người phục vụ	Khá	53/GCN-UBND
54	Nông Văn Vệ	x		020072001240	03/3/1972	Bảo vệ	-	Người phục vụ	Khá	54/GCN-UBND

TT	Họ và tên	Giới tính		Số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu	Ngày, tháng năm sinh	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Đăng ký	Kết quả	Số giấy chứng nhận
		Nam	Nữ							
9. Công ty TNHH Đá Tân Lang *(hồ sơ thủ tục hành chính số 000.00.12.H37- 250804-0007)*										
55	Bùi Tiến Đạt	x		020073010668	17/02/1973	Giám đốc	-	Người phục vụ	Khá	55/GCN-UBND
56	Bế Ngọc Tường	x		020058000092	09/9/1958	Bảo vệ	-	Người phục vụ	Khá	56/GCN-UBND
10. Công ty TNHH MTV Sơn Đức Bắc Sơn *(hồ sơ thủ tục hành chính số 000.00.12.H37- 250804-0010)*										
57	Hoàng Văn Thoại	x		020066003540	20/11/1966	Chỉ huy nổ mìn	Trung cấp điện công nghiệp và dân dụng	Chỉ huy nổ mìn	Khá	57/GCN-UBND
11. Công ty cổ phần xây dựng thương mại và khoáng sản Hoàng Phúc *(hồ sơ thủ tục hành chính số 000.00.12.H37- 250804-0003)*										
58	Phạm Quyết Tới	x		022068001438	10/6/1968	Chỉ huy nổ mìn	Đại học khai thác mỏ	Chỉ huy nổ mìn	Khá	58/GCN-UBND
59	Nguyễn Đình Sang	x		035072009546	10/9/1972	Thợ khoan nổ mìn	Chứng chỉ sơ cấp khoan nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	59/GCN-UBND
60	Lò Văn Năm	x		014092012764	18/08/1992	Thợ khoan nổ mìn	Chứng chỉ sơ cấp khoan nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	60/GCN-UBND
61	Lương Văn Tâm	x		014083007762	20/11/1983	Thợ khoan nổ mìn	Chứng chỉ sơ cấp khoan nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	61/GCN-UBND
62	Trần Văn Trường	x		020099007510	14/10/1999	Thợ khoan nổ mìn	Chứng chỉ sơ cấp khoan nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	62/GCN-UBND
12. Công ty TNHH Nhật Tiến *(hồ sơ thủ tục hành chính số 000.00.12.H37- 250806-0007)*										

TT	Họ và tên	Giới tính		Số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu	Ngày, tháng năm sinh	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Đăng ký	Kết quả	Số giấy chứng nhận
		Nam	Nữ							
63	Hoàng Đức Hiền	x		025069013448	12/09/1969	Thợ khoan	-	Người phục vụ	Khá	63/GCN-UBND
64	Ngô Văn Cường	x		030087024115	11/09/1987	Thợ mìn	Sơ cấp nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	64/GCN-UBND
65	Đinh Văn Úy	x		030071003572	26/12/1971	Thợ mìn	Sơ cấp khoan nổ mìn	Thợ nổ mìn	Trung bình	65/GCN-UBND
66	Nguyễn Văn Tuyền	x		030072006253	20/02/1972	Thợ mìn	Sơ cấp nghề khoan nổ mìn	Thợ nổ mìn	Trung bình	66/GCN-UBND
67	Phạm Hồng Phong	x		030201001418	19/07/2001	Thợ khoan	-	Người phục vụ	Trung bình	67/GCN-UBND
13. Công ty TNHH Yên Vượng *(hồ sơ thủ tục hành chính số 000.00.12.H37- 250805-0016)*										
68	Lê Hưng Bình	x		020064000290	03/09/1964	Bảo vệ kho mìn	-	Người phục vụ	Khá	68/GCN-UBND
69	Vy Hồng Xô	x		020070000560	24/10/1970	Bảo vệ kho mìn	-	Người phục vụ	Khá	69/GCN-UBND
70	Ngô Xuân Hưng	x		001079042570	06/06/1979	Thợ mìn	Sơ cấp nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	70/GCN-UBND
14. Công ty TNHH Thịnh An Bình *(hồ sơ thủ tục hành chính số 000.00.12.H37- 250805-0013)*										
71	Ngô Văn Thuật	x		027077004467	09/20/1977	Chỉ huy nổ mìn	Đại học ngành kỹ thuật mỏ	Chỉ huy nổ mìn	Khá	71/GCN-UBND
72	Doãn Tiến Anh	x		001078013000	09/28/1978	Thợ mìn	Sơ cấp nghề nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	72/GCN-UBND
73	Hoàng Văn Tuấn	x		020073000982	06/10/1973	Thợ mìn	Chứng chỉ nghề khoan nổ mìn	Thợ nổ mìn	Trung bình	73/GCN-UBND
74	Nguyễn Văn Bảo	x		020085003189	16/5/1985	Công nhân	-	Người phục vụ	Khá	74/GCN-UBND

TT	Họ và tên	Giới tính		Số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu	Ngày, tháng năm sinh	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Đăng ký	Kết quả	Số giấy chứng nhận
		Nam	Nữ							
75	Hoàng Xuân Chưởng	x		020073008415	17/6/1973	Công nhân	-	Người phục vụ	Khá	75/GCN-UBND
76	Trần Thị Lý		x	020181008982	03/10/1981	Thủ kho	-	Người được giao quản lý kho	Khá	76/GCN-UBND
15. Công ty cổ phần ACC 78 *(hồ sơ thủ tục hành chính số 000.00.12.H37- 250805-0014)*										
77	Đặng Văn Nghĩa	x		020069006149	04/03/1969	Bảo vệ kho mìn	-	Người phục vụ	Khá	77/GCN-UBND
78	Nguyễn Phú Hoàn	x		031075011216	04/08/1975	Thợ mìn	Sơ cấp nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	78/GCN-UBND
79	Lê Văn Điệp	x		031073003440	20/01/1973	Thợ mìn	Sơ cấp nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	79/GCN-UBND
80	Lã Văn Hiền	x		031073005948	16/06/1973	Thợ mìn	Sơ cấp nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	80/GCN-UBND
16. Công ty cổ phần Võ Nói *(hồ sơ thủ tục hành chính số 000.00.12.H37- 250805-0019)*										
81	Nguyễn Văn Còm	x		020071000551	05/2/1971	Thợ mìn	Sơ cấp nghề nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	81/GCN-UBND
82	Đỗ Xuân Công	x		020085006689	19/8/1985	Thợ mìn	Sơ cấp nghề nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	82/GCN-UBND
83	Triệu Văn Dầu	x		020068000447	10/8/1968	Thủ kho	-	Người được giao quản lý kho	Giỏi	83/GCN-UBND
84	Hoàng Văn Trọng	x		020074000435	02/8/1974	Bảo vệ kho mìn	-	Người phục vụ	Khá	84/GCN-UBND
85	Phạm Văn Hồng	x		036063021512	09/9/1963	Bảo vệ kho mìn	-	Người phục vụ	Khá	85/GCN-UBND

TT	Họ và tên	Giới tính		Số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu	Ngày, tháng năm sinh	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Đăng ký	Kết quả	Số giấy chứng nhận
		Nam	Nữ							
86	Nông Văn Thuỷ	x		020066000592	22/02/1966	Bảo vệ kho mìn	-	Người phục vụ	Trung bình	86/GCN-UBND
87	Hoàng Văn Xuân	x		020077000639	12/02/1977	Công nhân	-	Người phục vụ	Trung bình	87/GCN-UBND
88	Bùi Văn Hiệu	x		017084001758	17/02/1984	Công nhân	-	Người phục vụ	Khá	88/GCN-UBND
17. Công ty TNHH Thương mại và Phát triển Thành Đông *(hồ sơ thủ tục hành chính số 000.00.12.H37- 250805-0015)*										
89	Nguyễn Đình Lũy	x		030074007415	02/01/1974	Phó Giám đốc	Chứng chỉ nghề kỹ thuật nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	89/GCN-UBND
90	Nguyễn Văn Thanh	x		001076011732	20/01/1976	Thợ mìn	Sơ cấp nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	90/GCN-UBND
91	Vũ Minh Chang	x		020070000438	10/10/1970	Thợ mìn	Chứng chỉ nghề khoan nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	91/GCN-UBND
92	Phạm Ngọc Thái	x		036065007526	01/12/1965	Bảo vệ kho mìn	-	Người phục vụ	Khá	92/GCN-UBND
18. DNTN Ngọc Dụ *(hồ sơ thủ tục hành chính số 000.00.12.H37- 250805-0012)*										
93	Bế Văn Tuấn	x		020090012485	20/01/1990	Thợ mìn	Sơ cấp nghề khoan nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	93/GCN-UBND
94	Hoàng Văn Đức	x		020088012133	11/7/1988	Thợ mìn	Sơ cấp nghề khoan nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	94/GCN-UBND
95	Bế Văn Tuyên	x		020090008746	12/6/1990	Thợ mìn	Sơ cấp nghề khoan nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	95/GCN-UBND
19. Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kim Thạch Phát *(hồ sơ thủ tục hành chính số 000.00.12.H37- 250806-0001)*										
96	Nguyễn Thái Vĩnh	x		020068000103	10/8/1968	Giám đốc công ty	-	Người phục vụ	Khá	96/GCN-UBND

TT	Họ và tên	Giới tính		Số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu	Ngày, tháng năm sinh	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Đăng ký	Kết quả	Số giấy chứng nhận
		Nam	Nữ							
97	Trần Văn Hồng	x		040054003882	01/09/1954	Giám đốc điều hành	Đại học ngành khai thác lộ thiên	Chỉ huy nổ mìn	Khá	97/GCN-UBND
98	Hoàng Văn Hiệp	x		020092010929	25/4/1992	Thợ mìn	Sơ cấp khoan nổ mìn	Thợ nổ mìn	Giỏi	98/GCN-UBND
99	Đỗ Văn Thành	x		030062017953	06/2/1962	Bảo vệ kho mìn	-	Người phục vụ	Khá	99/GCN-UBND
20. Công ty TNHH Anh Thắng *(hồ sơ thủ tục hành chính số 000.00.12.H37- 250806-0014)*										
100	Đỗ Văn Thụ	x		024075013625	11/10/1975	Thủ kho	-	Người được giao quản lý kho	Giỏi	100/GCN-UBND
101	Nguyễn Văn Phúc	x		020066000952	30/04/1966	Bảo vệ kho mìn	-	Người phục vụ	Khá	101/GCN-UBND
102	Nguyễn Văn Anh	x		015090011330	17/04/1990	Công nhân	-	Người phục vụ	Trung bình	102/GCN-UBND
103	Nguyễn Văn Hổ	x		037094001027	21/08/1994	Thợ mìn	Sơ cấp khoan nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	103/GCN-UBND
104	Trần Văn Hoạch	x		037077007116	03/07/1997	Thợ mìn	Sơ cấp khoan nổ mìn	Thợ nổ mìn	Trung bình	104/GCN-UBND
105	Triệu Văn Chung	x		019095008418	06/10/1995	Công nhân	-	Người phục vụ	Trung bình	105/GCN-UBND
106	Triệu Văn Ngọc	x		019086007819	29/11/1986	Công nhân	-	Người phục vụ	Khá	106/GCN-UBND
21. Công ty TNHH đá Thượng Thành *(hồ sơ thủ tục hành chính số 000.00.12.H37- 250806-0002)*										
107	Phạm Văn Xuân	x		020067001718	03/11/1967	Bảo vệ kho mìn	-	Người phục vụ	Khá	107/GCN-UBND

TT	Họ và tên	Giới tính		Số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu	Ngày, tháng năm sinh	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Đăng ký	Kết quả	Số giấy chứng nhận
		Nam	Nữ							
108	Long Văn Hùng	x		020090012225	01/10/1990	Thợ khoan	-	Người phục vụ	Khá	108/GCN-UBND
109	Lê Hồng Phong	x		038089028240	22/11/1989	Thủ kho	-	Người được giao quản lý kho	Khá	109/GCN-UBND
22. Công ty cổ phần Trường Sơn Lạng Sơn *(hồ sơ thủ tục hành chính số 000.00.12.H37- 250806-0005)*										
110	Nguyễn Hữu Quân	x		017081007702	12/09/1981	Thợ mìn	Sơ cấp nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	110/GCN-UBND
111	Bùi Văn Long	x		017078008690	01/11/1978	Thợ mìn	Sơ cấp khoan nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	111/GCN-UBND
112	Bạch Văn Tuệ	x		001072045801	15/12/1972	Thợ khoan	-	Người phục vụ	Khá	112/GCN-UBND
113	Nguyễn Văn Sự	x		017088008399	13/03/1988	Thợ khoan	-	Người phục vụ	Khá	113/GCN-UBND
114	Vi Văn Sang	x		020085000879	26/06/1985	Công nhân	-	Người phục vụ	Trung bình	114/GCN-UBND
115	Nguyễn Văn Quang	x		017080008249	24/05/1980	Thợ khoan	-	Người phục vụ	Khá	115/GCN-UBND
23. Công ty TNHH Hoàng Khánh *(hồ sơ thủ tục hành chính số 000.00.12.H37- 250805-0017)*										
116	Trần Phi Hùng	**x**		020077000287	04/10/1977	Chỉ huy nổ mìn	Đại học ngành kỹ thuật mỏ	Chỉ huy nổ mìn	Khá	116/GCN-UBND
117	Hà Văn Hữu	**x**		015098008551	20/04/1998	Thợ khoan	-	Thợ khoan	Khá	117/GCN-UBND
24. Công ty cổ phần 389 *(hồ sơ thủ tục hành chính số 000.00.12.H37- 250806-0003)*										
118	Phạm Văn Chiến	x		036091023701	23/12/1991	Chỉ huy nổ mìn	Đại học kỹ thuật mỏ	Chỉ huy nổ mìn	Khá	118/GCN-UBND

TT	Họ và tên	Giới tính		Số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu	Ngày, tháng năm sinh	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Đăng ký	Kết quả	Số giấy chứng nhận
		Nam	Nữ							
119	Dương Văn Thấu	x		035066009257	01/1/1966	Thợ mìn	Chứng chỉ sơ cấp nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	119/GCN-UBND
120	Vi Xuân Bằng	x		020086010108	05/6/1986	Thợ mìn	Chứng chỉ sơ cấp khoan nổ mìn	Thợ nổ mìn	Trung bình	120/GCN-UBND
121	Hứa Trung Hiền	x		020082005839	03/6/1982	Thợ mìn	Chứng chỉ sơ cấp nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	121/GCN-UBND
122	Hoàng Minh Phước	x		020203003105	29/10/2003	Thủ kho VLNCN	-	Người được giao quản lý kho VLNCN	Khá	122/GCN-UBND
123	Hoàng Kim Ngân		x	020189007315	14/10/1989	Thủ kho VLNCN	-	Người được giao quản lý kho VLNCN	Khá	123/GCN-UBND
124	Hoàng Kim Ngân		x	020185005948	22/04/1985	Thủ kho VLNCN	-	Người được giao quản lý kho VLNCN	Giỏi	124/GCN-UBND
125	Triệu Văn Hồ	x		020092007259	14/09/1992	Thợ khoan	-	Người phục vụ	Trung bình	125/GCN-UBND
126	Nông Văn Linh	x		020094002160	01/7/1994	Thợ khoan	-	Người phục vụ	Trung bình	126/GCN-UBND
127	Phùng Văn Thương	x		020089008724	22/07/1989	Thợ khoan	-	Người phục vụ	Khá	127/GCN-UBND
128	Nguyễn Văn Lâm	x		040063016389	15/02/1963	Quản lý	-	Người phục vụ	Khá	128/GCN-UBND

TT	Họ và tên	Giới tính		Số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu	Ngày, tháng năm sinh	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Đăng ký	Kết quả	Số giấy chứng nhận
		Nam	Nữ							
129	Lục Thị Hạnh			004194008428	21/07/1994	Kế toán	-	Người phục vụ	Khá	129/GCN-UBND
130	Nông Thị Kiều Nương		x	004194001209	23/05/1994	Kế toán	-	Người phục vụ	Khá	130/GCN-UBND
131	Mạc Huy Khánh	x		004096005852	30/08/1996	Nhân viên nội nghiệp	-	Người phục vụ	Khá	131/GCN-UBND
132	Phạm Văn Trọng	x		037075000608	10/1/1975	Thợ khoan	-	Người phục vụ	Trung bình	132/GCN-UBND
25. Công ty cổ phần 389 *(hồ sơ thủ tục hành chính số 000.00.12.H37- 250805-0009)*										
133	Vũ Văn Cảnh	x		036085015965	02/8/1985	Chỉ huy nổ mìn	Đại học khai thác mỏ	Chỉ huy nổ mìn	Khá	133/GCN-UBND
134	Hà Văn Nam	x		020076008172	05/9/2976	Thợ nổ mìn	Chứng chỉ sơ cấp khoan nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	134/GCN-UBND
135	Hoàng Văn Đoàn	x		020069004358	01/01/1969	Bảo vệ kho VLN	-	Người phục vụ	Khá	135/GCN-UBND
136	Nguyễn Văn Tám	x		020070006285	19/9/1970	Bảo vệ kho VLN	-	Người phục vụ	Khá	136/GCN-UBND
26. Công ty cổ phần đá Đồng Mỏ *(hồ sơ thủ tục hành chính số 000.00.12.H37- 250805-0010)*										
137	Phạm Văn Sĩ	x		036084003179	11/10/1984	Chỉ huy nổ mìn	Đại học khai thác mỏ	Chỉ huy nổ mìn	Khá	137/GCN-UBND
138	Lao Ngọc Hà	x		020081002607	22/9/1981	Thợ nổ mìn	Chứng chỉ sơ cấp nổ mìn	Thợ nổ mìn	Khá	138/GCN-UBND
139	Vũ Tiến Nghĩa	x		036078010005	26/01/1978	Người phục vụ	-	Người phục vụ	Khá	139/GCN-UBND
140	Lương Văn Trường	x		020077011831	22/05/1977	Người phục vụ	-	Người phục vụ	Trung bình	140/GCN-UBND

TT	Họ và tên	Giới tính		Số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu	Ngày, tháng năm sinh	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Đăng ký	Kết quả	Số giấy chứng nhận
		Nam	Nữ							
141	Bùi Văn Khoa	x		020081001424	23/4/1981	Bảo vệ	-	Người phục vụ	Khá	141/GCN-UBND
142	Hoàng Văn Mừng	x		020075000603	22/10/1975	Bảo vệ	-	Người phục vụ	Khá	142/GCN-UBND
143	Phạm Đình Trường	x		020071001121	19/7/1971	Bảo vệ	-	Người phục vụ	Khá	143/GCN-UBND